

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 30/Công ty TNHH URC Việt Nam/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 42 VSIP Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274 3767010 **Fax:** 0274 3767025

E-mail: dangkychat.luong@urcvn.com

Mã số doanh nghiệp: 3700549827

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: TRÀ XANH HƯƠNG CHANH C2

Số tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 30:2022/URC VIETNAM

2. Thành phần: Nước, đường tinh luyện, lá trà xanh (5 g/l), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii), 296), hương liệu tổng hợp (chanh), chất chống oxy hóa (300), màu thực phẩm tổng hợp (150d), chất tạo ngọt tổng hợp (955).

Các thành phần của sản phẩm đều an toàn để sử dụng.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem trên cổ chai.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói: Thể tích thực ở 20°C: 355 ml, 455 ml.

4.2 Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong chai nhựa PET đạt tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

Công ty TNHH URC Việt Nam

Nhà máy 1: Số 26 đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Nhà máy 2: Số 42 VSIP Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty TNHH URC Việt Nam sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2: 2010/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm đồ uống không cồn.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- QCVN 12-1:2011/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT: quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: nghị định về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 04 tháng 08 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



NGUYỄN VIỆT TRƯỜNG

Trưởng Phòng Phát Triển Sản Phẩm



Chữ ký

**CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM**

Số 42 VSIP, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam – Singapore, Phường An Phú,

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0274 3767010/ Fax: 0274 3767025

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM**1. Thông tin chung:**1.1 Tên sản phẩm: **TRÀ XANH HƯƠNG CHANH C2**

1.2 Số tiêu chuẩn cơ sở: TCCS 30:2022/URC VIETNAM

2. Yêu cầu kỹ thuật:**2.1 Chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1.	Trạng thái	Là sản phẩm dạng lỏng, không cặn.
2.	Màu sắc	Màu đặc trưng của sản phẩm.
3.	Mùi vị	Mùi vị đặc trưng của sản phẩm.

2.2 Thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1.	Năng lượng/Energy	kcal/100 ml	26,4 - 48
2.	Cacbohydrat/Carbohydrate	g/100 ml	6,6 - 12
3.	Đường/Sugars	g/100 ml	6,5 - 11,7
4.	Chất béo/Fat	g/100 ml	0
5.	Đạm/Protein	g/100 ml	0
6.	Polyphenols	mg/100 ml	≥ 40

2.3 Thông tin dinh dưỡng trên nhãn:

Thành phần dinh dưỡng trên 100 ml	
Năng lượng/Energy	37 kcal
Cacbohydrat/Carbohydrate	9,3 g
Đường/Sugars	9,1 g
Chất béo/Fat	0 g
Đạm/Protein	0 g
Polyphenols/Polyphenols	≥ 40 mg

2.4 Chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ml	10 ²
2.	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/ml	10
3.	Coliforms	cfu/ml	10
4.	<i>E. coli</i>	/ml	Không có
5.	<i>Streptococci faecal</i>	/ml	Không có
6.	<i>Staphylococcus aureus</i>	/ml	Không có
7.	<i>Clostridium perfringens</i>	/ml	Không có
8.	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	/ml	Không có

(Áp dụng theo quy chuẩn QCVN 6-2: 2010/BYT)

2.5 Chỉ tiêu kim loại nặng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1.	Hàm lượng chì (Pb)	mg/l	0,05

(Áp dụng theo quy chuẩn QCVN 6-2:2010/BYT)

2.6 Hàm lượng các hóa chất không mong muốn:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa
1.	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật	Phù hợp theo Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế: quy định của đường mía và trà.

3. Thành phần:

Nước, đường tinh luyện, lá trà xanh (5 g/l), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii), 296), hương liệu tổng hợp (chanh), chất chống oxy hóa (300), màu thực phẩm tổng hợp (150d), chất tạo ngọt tổng hợp (955).

Các thành phần của sản phẩm đều an toàn để sử dụng.

4. Thời hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem trên cổ chai.

5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

5.1 Hướng dẫn sử dụng: Lắc đều trước khi dùng. Ngon hơn khi uống lạnh.

Được làm từ nguyên liệu trà tự nhiên. Màu sắc, mùi vị của sản phẩm có thể thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm. Đôi khi có xác trà nhuyển trong sản phẩm.

Không sử dụng chất bảo quản. Chế biến và đóng chai trong cùng một ngày.

5.2 Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ lạnh sau khi mở nắp và sử dụng hết trong vòng 1 ngày.

6. **Lượng dùng khuyến nghị:** Không có.

7. **Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:**

7.1 **Quy cách đóng gói:** Thể tích thực ở 20 °C: 355 ml, 455 ml.

7.2 **Chất liệu bao bì:**

Sản phẩm được đựng trong chai nhựa PET đạt tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

8. **Quy trình sản xuất:** (xem phụ lục đính kèm).

9. **Các biện pháp phân biệt thật, giả:** (không có).

10. **Nội dung ghi nhãn:** (xem nhãn đính kèm).

11. **Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:**

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM

Số 42 VSIP Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 024 33844711

Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM

Nhà máy 1: Số 26 đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Nhà máy 2: Số 42 VSIP Đại lộ Tự Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Theo li-xăng của UNIVERSAL ROBINA CORPORATION, Địa chỉ: Tầng 8, Tera Tower, Bridgetowne, Đại lộ E. Rodriguez Jr (Đường C5), Ugong Norte, Thành phố Quezon, Phi-líp-pin.

Bình Dương, ngày 04 tháng 08 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP



NGUYỄN VIỆT TRƯỜNG
Trưởng Phòng Phát Triển Sản Phẩm



dan

Cool & Clean



TRÀ XANH
HƯƠNG CHANH

TRÀ CHANH
100% TỰ NHIÊN

TRÀ XANH
HƯƠNG CHANH

Thể tích thực ở 20 °C
355 ml



SẢN XUẤT BỞI
UR Universal Robina

THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

THẬT MÁT LẠNH & THANH KHIỆT!
C2 được ủ từ nguyên liệu là trà 100% tự nhiên, lưu giữ hoạt chất TPP (tea polyphenol) hòa quyện với hương chanh tươi mát, làm dịu nhẹ một ngày dài căng thẳng **CÓ C2, SAO PHẢI GẬT?**

TPP
CHỨNG CỨ HỎA
TPP (tea Polyphenol)
là chất chống oxy hóa trong lá trà tự nhiên tốt cho sức khỏe, giúp giảm căng thẳng, ngăn ngừa lão hóa.



Cool & Clean



LEMON TEA
BREWED FROM 100% NATURAL TEA LEAVES

GREEN TEA
LEMON FLAVOR



Net content at 20 °C
355 ml

Thành phần: Nước, đường tinh luyện, lá trà xanh (5 g/l), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(ii), 296), hương liệu tổng hợp (chanh), chất chống oxy hóa (300), màu thực phẩm tổng hợp (150d), chất tạo ngọt, tổng hợp (955).

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG NUTRITION FACTS	
	Trên 100 ml
Năng lượng/Energy	37 kcal
Carbohydrat/Carbohydrate	9,3 g
Đường/Sugars	9,1 g
Chất béo/Fat	0 g
Đạm/Protein	0 g
Polyphenols/Polyphenols	≥ 40 mg

Lắc đều trước khi dùng. Ngọt hơn khi uống lạnh. Giữ lạnh sau khi mở nắp và sử dụng hết trong vòng 1 ngày. Bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
Được làm từ nguyên liệu trà tự nhiên.
Màu sắc, mùi vị của sản phẩm có thể thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm. Đôi khi có xác trà nguyên trong sản phẩm.
Không sử dụng chất tạo ngọt. Chế biến và đóng chai trong cùng một ngày.
Các thành phần của sản phẩm đều an toàn để sử dụng.
Số tiêu chuẩn cơ sở:
TCCS 30:2022/URC VIETNAM
NSX và HSD xem trên cổ chai.

Sản phẩm của: Công ty TNHH URC Việt Nam
Số 42 VSIP Đại lộ Từ Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
ĐT: 0274 3767010.
Chăm sóc khách hàng: 1800 1726
Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất tại: Công ty TNHH URC Việt Nam
Nhà máy 1: Số 26 đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Nhà máy 2: Số 42 VSIP Đại lộ Từ Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Theo li-xăng của UNIVERSAL ROBINA CORPORATION, Địa chỉ: Tầng 8, Tera Tower, Bridgetowne, Đại lộ E. Rodriguez Jr (Boulevard 55), Utagong Norte, Thành phố Quezon/Philippines.

Cool & Clean



TRÀ CHANH
Ủ TỪ LÁ TRÀ
100% TỰ NHIÊN

TRÀ XANH
HƯƠNG CHANH

Thể tích thực ở 20 °C
455 ml

THẬT MÁT LẠNH & THANH KHIỆT!

C2 được ủ từ nguyên liệu là trà 100% tự nhiên.

lưu giữ hoạt chất TPP (tea polyphenol) hóa quyền với hương chanh tươi mát, làm dịu nhẹ mắt ngay khi uống thẳng CÓ C2, SẠO PHẢI GẮT?



TPP (Tea Polyphenol) là chất chống oxy hóa trung là trà tự nhiên tốt cho sức khỏe, giúp giảm căng thẳng, ngăn ngừa lão hóa.

SẢN XUẤT BỞI

UR Universal Robina

THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ



B3 Bop chai sau khi sử dụng

UR Universal Robina
 TỰ NHIÊN LÀ THANH KHIỆT

Cool & Clean



LEMON TEA
BREWED FROM
100% NATURAL
TEA LEAVES

GREEN TEA
LEMON FLAVOR

Net content at 20 °C
455 ml

Thành phần:
 Nước, đường tinh luyện, lá trà xanh (5 g/l), chất điều chỉnh độ acid (330, 339), 228, hương liệu tổng hợp (chanh), chất chống oxy hóa (300), màu thực phẩm tổng hợp (150d), chất tạo ngọt tổng hợp (955).

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG NUTRITION FACTS	
Trong 100 ml	
Calories/Energy	37 kcal
Carbohydrate	83 g
Sugars	83 g
Chất béo/fat	0 g
Đạm/Protein	0 g
Polyphenols	≥ 40 mg

Lắc đều trước khi dùng. Ngọt hơn khi uống lạnh. Giữ lạnh sau khi mở nắp và sử dụng hết trong vòng 1 ngày. Bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát. Tránh ánh nắng trực tiếp. Được làm từ nguyên liệu trà tự nhiên. Màu sắc, mùi vị của sản phẩm có thể thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm. Bối khi có xác trà nổi trong sản phẩm. Không sử dụng chất bảo quản. Chế biến và đóng chai trong cùng một ngày. Các thành phần của sản phẩm đều an toàn để sử dụng. Số tiêu chuẩn cơ sở: TCSC 30:2022/URC VIETNAM NSX và HSD xem trên cổ chai.

Sản phẩm của:
 Công ty TNHH URC Việt Nam
 Số 42 VSP Bãi 10 Từ Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
 ĐT: 0274.3767010
 Chăm sóc khách hàng: 1800 1726
 Xuất xứ: Việt Nam

Sản xuất tại:
 Công ty TNHH URC Việt Nam
 Nhà máy 1: Số 26 đường số 6, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
 Nhà máy 2: Số 42 VSP Bãi 10 Từ Do, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường An Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Theo li-xăng của
 UNIVERSAL ROBINA CORPORATION,
 Địa chỉ: Tầng 8, Tea Tower,
 Bridgetown, Bãi 10 E. Rodriguez Jr
 (Đường 55) Uppang Norte, Thành phố
 Uppang, Phi-lip-pin.



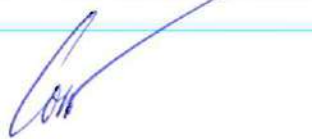
KT3-03866BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/08/2022
Trang 01/05

1. Tên mẫu : TRÀ XANH HƯƠNG CHANH C2
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong chai nhựa.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 26/07/2022
5. Thời gian thử nghiệm : 27/07/2022 - 01/08/2022
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM
Số 42 VSIP Đại Lộ Tự Do, Khu Công Nghiệp Việt Nam –
Singapore, Phường An Phú, Thành Phố Thuận An, Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02-05/05

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 3

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03866BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

 02/08/2022
 Trang 02/05

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg			
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Buprofezin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Fenpropathrin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Propargite	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Dicofol	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Indoxacarb	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Methidathion	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Profenofos	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Thiamethoxam	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03866BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

 02/08/2022
 Trang 03/05

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện
• Etoxazole	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện
• Flubendiamide	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện
• Tolfenpyrad	EN 15662:2018	0,025	Không phát hiện
• Glyphosate	QTTN/KT3 274:2020	0,005	Không phát hiện
• Paraquat	QTTN/KT3 274:2020	0,0025	Không phát hiện
• Clothianidin	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện
• Dicamba	QTTN/KT3 272:2020	0,05	Không phát hiện
• Flufenoxuron	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện
• Hexythiazox	QTTN/KT3 272:2020	0,025	Không phát hiện
• Imazapic	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện
• Isoxaflutole	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện
• Mesotrione	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện
• Trinexapac-ethyl	QTTN/KT3 272:2020	0,0025	Không phát hiện

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03866BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/08/2022
 Trang 04/05

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm
• Endosulfan	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Bifenthrin	EN 15662:2018	0,05	Không phát hiện
• Cypermethrins (bao gồm alpha- and zeta-cypermethrin)	EN 15662:2018	0,05	Không phát hiện
• Deltamethrin	EN 15662:2018	0,05	Không phát hiện
• Cyhalothrin (bao gồm lamda-cyhalothrin)	EN 15662:2018	0,05	Không phát hiện
• Permethrin	EN 15662:2018	0,05	Không phát hiện
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Azinphos-methyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Chlorpyrifos-ethyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03866BTP2/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/08/2022
 Trang 05/05

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo	Kết quả thử nghiệm
7.2. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/mL	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.3. <i>E.Coli</i> , CFU/mL	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.4. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.5. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/mL	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.6. Enterococci, Streptococci faecal CFU/mL	ISO 7899-2:2000	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.7. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/mL	AOAC 2016 (2014.05)	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.8. <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , CFU/mL	ISO 16266 : 2006	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)
7.9. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/mL	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 1 ^(*)

Ghi chú: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.